

Số: 188 /TCT-PC&KSNB

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

V/v công bố thông tin

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà
Nội;

Điện thoại: 024.36410799

Fax: 024.36410800

Mã chứng khoán: VIF

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quốc Khánh - Tổng giám đốc;

Địa chỉ: 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu bất thường định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo: Ngày 20/02/2023, Tổng công ty nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 96/2022/DS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán*" giữa nguyên đơn là Ông Phan Đức Phương, bị đơn là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Phan Đức Hiện và Bà Triệu Thị Bích, bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 20/02/2023 tại đường dẫn <http://www.vinafor.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- PTGD Ngô Thị Thúy Mai;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- Ban công bố thông tin;
- Lưu VT, PC&KSNB.



Lê Quốc Khánh

Ông Bình (BĐ)

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT

Ngày: 30/12/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	
C.V	Số: 210
ĐẾN	Ngày: 10/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy, bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thủy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/DS-PT ngày 03/10/2022 về việc kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐ-PT ngày 26/10/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đức Phương, sinh năm 1980, có mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Mai Tiến Dũng, Luật sư Tạ Quang Trang- Công ty Luật TNHH Đức Thành, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần
Địa chỉ: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh, Chức vụ Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phong Lan, bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, Cán bộ Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần;

✓ Ông Phạm Huy Bình, Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên; có mặt ông Bình, vắng mặt bà Lan, bà Diễm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Đức Hiện, sinh năm 1969, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2 Bà Triệu Thị Bích, sinh năm 1989, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Đức Phương, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Bích trình bày:

Năm 1993 ông Phan Sinh Quý (đã chết năm 2021) được Lâm trường Đồng Hỷ giao 12,1 ha đất để trồng rừng thuộc lô 33, 34, 43, 44 tiểu khu 413, thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thông qua Sổ giao đất giao rừng mang tên Phan sinh Quý. Năm 2001 ông Quý cho ông Phương 10 ha trong tổng số 12,1 ha đất rừng nêu trên để trồng rừng sản xuất, ông Phương sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay. Năm 2006 ông Phương tự khai phá thêm được 13,02 ha đất, nay Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên xác định thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01, tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tổng diện tích đất hiện tại của gia đình ông Phan Đức Phương đang quản lý, sử dụng là 23,02 ha.

Năm 2016, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự ý cho người cắm mốc vào diện tích ông Phương đang sử dụng với lý do cho rằng đất đó của Công ty Lâm nghiệp. Quá trình sử dụng đất gia đình ông Phương đã tự đầu tư để trồng rừng, đến khi khai thác lâm sản thì công ty Lâm nghiệp yêu cầu ông Phương phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty thì Công ty mới cho khai thác, nhưng gia đình ông Phương không đồng ý ký.

Năm 2018, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã đến đo hiện trạng sử dụng đất thuộc khoảnh 3 và khoảnh 5 là 13,2 ha và khoảnh 9 là 3,04 ha tiểu khu 915 trong tổng diện tích hiện trạng nêu trên. Ông Phương và Công ty Lâm nghiệp đang tranh chấp diện tích gồm 11,38 ha tại khoảnh 3 và khoảnh 5, thửa số 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 3,04 ha tại khoảnh 9 thửa số 407 tờ bản đồ số 3 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến (bản đồ giải thửa địa chính năm 2006).

Hiện nay, các thửa đất ông Phan Đức Phương đang sử dụng đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và số BA 866510 cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/02/2011. Tuy nhiên, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất, các hành vi cắm mốc nêu trên của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty

cổ phần và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đức Phương.

Ông Phan Đức Phương khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận 23,02 ha đất rừng thuộc quyền sử dụng của ông Phan Đức Phương, trong đó 10 ha được cấp sổ xanh thuộc 4 lô 33,34,43,44 tiểu khu 413, xã Hợp Tiến và 13,02 ha đất do ông Phương tự khai hoang thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phương; Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng giao nhận khoán trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất của ông Phương; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và số BA 866510, UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/02/2011.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam trình bày:

Về nguồn gốc đất: Tại Quyết định số 11/TCCQ ngày 12/01/1973 hợp nhất Lâm trường Phúc Trìu với Lâm trường Trại Cau thành Lâm trường Đồng Hỷ.

Tại Quyết định số 634/UB – QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái thành lập doanh nghiệp Nhà nước là Lâm Trường Đồng Hỷ, khi thành lập doanh nghiệp thì tổng diện tích rừng và đất rừng được giao cho Lâm trường Đồng Hỷ là 13.065ha.

Từ năm 1993 đến năm 1998 Lâm trường Đồng Hỷ tiến hành giao đất, giao rừng cho cán bộ nhân viên và một số bà con nhân dân tại địa phương để phủ xanh đất trống, đồi trọc.

Tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam với nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư được thể hiện tại Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam tháng 12/1998.

Tại Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Tại Quyết định số 248/QĐ – BNN – TCCB ngày 28/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên.

Tại Thông báo số 34 ngày 21/01/2005 của Công ty Ván Dăm Thái nguyên gửi tới các sở ban ngành xác định toàn bộ sổ giao đất giao rừng cho các hộ đến ngày 30/3/2005 không còn giá trị sử dụng phải chuyển sang hình thức hợp đồng giao khoán.

Tại Văn bản 1294/UBND – NLN ngày 28/11/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo các hộ dân phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty.

Tại kết luận thanh tra số 1655 ngày 17/7/2009 của sở tài nguyên môi trường kết luận việc chấp hành pháp luật của Công ty Ván Dăm, trong đó có nội dung xác định Lâm trường sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng. Công ty quản lý diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến là 2.211,08 ha.

Tại Quyết định 1386/QĐ – BNN – ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định chuyển Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Công ty Lâm nghiệp Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên.

Ngày 15/02/2011 tại Quyết định số 320 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván Dăm Thái Nguyên với diện tích đất rừng sản xuất là 12.919.983,0m² tại khu vực thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2012 tại Quyết định số 259 QĐ – BNN – ĐMDN ngày 13/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Ngày 21/11/2014 UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 3231 về việc chấp thuận việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, trong đó thống nhất diện tích đất Công ty tiếp tục để lại sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp tại huyện Đồng Hỷ là 30.149.046m², trong đó xã Hợp Tiến (đất lâm nghiệp): 10.959.700m². Công ty trả lại địa phương tại xã Hợp Tiến với diện tích là 10.446.000m².

Về hiện trạng sử dụng đất:

Phần diện tích đất ông Phan Đức Phương đang sử dụng tại thửa 30 tờ bản đồ số 1, Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng có diện tích 130.759,7m², trong đó diện tích đất trồng keo: 107.324,5m², diện tích đất trồng phân: 23.435,2 m², gồm: Diện tích đất giao khoán mang tên ông Phan Đức Hiện do ông Phương sử dụng là 7,05 ha và 60.259,70 m² ông Phan Đức Phương lần chiếm tự đầu tư trồng rừng trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Diện tích đất Công ty giao khoán cho ông Phan Đức Hiện trồng rừng 7,05 ha theo 02 hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng số 05/2008-HĐGK ký ngày 02/10/2008 tại lô B1, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,85 ha (18.500 m²). Tại vị trí này, năm 2016 ông Hiện và ông Phương đã tự ý khai thác rừng trái pháp luật, chống đối không giao nộp sản phẩm gỗ theo hợp đồng đã ký với Công ty, không thanh lý hợp đồng, tự ý chiếm đất của Công ty và trồng rừng lứa mới năm 2016.

Hợp đồng số 08/2016 ký ngày 06/6/2016 tại lô C19, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 5,20 ha. Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2016, ông Phan Đức Phương và ông Phan Đức Hiện vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

Phần diện tích đất tại khoảnh 5, tiểu khu 195 thửa 407 tờ bản đồ số 3, Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng có diện tích 30.679,6 m², hiện nay ông Phan Đức Phương đang lấn chiếm đất của Công ty và tự đầu tư trồng rừng.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần đề nghị: Đối với diện tích đất ông Phương và ông Hiện đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất ông Hiện đã nhận giao khoán với Công ty, phía Công ty sẽ tạo điều kiện cho ông Hiện và ông Phương được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác cây trồng trên đất, nhưng ông Hiện và ông Phương phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với Công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án buộc ông Phương phải trả lại phần đất lấn chiếm; không yêu cầu giải quyết nội dung của Hợp đồng giao nhận khoán, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (nếu có). Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì sẽ khởi kiện vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức Hiện trình bày:

Năm 2008 và 2016 ông Hiện được đội sản xuất số 1 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng. Sau khi ký hợp đồng ông Hiện không được nhận đầu tư cây giống và phân bón, vì phần đất ông Hiện ký với Công ty đã có người canh tác trồng keo trên đất khoảng 1 tuổi rồi. Từ đó đến nay ông Hiện không đi đến phần đất đã ký hợp đồng trồng rừng với Công ty, phần diện tích đất trên không liên quan gì đến ông Hiện nữa.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN&XD của UBND tỉnh Thái Nguyên gửi Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ có nội dung:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Việc cấp GCNQSD đất: Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều

kiện vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án công nhận 23,02 ha đất trồng rừng và toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phương, vì vị trí tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất là 161.439,3 m² tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1 và thửa 407 tờ bản đồ số 3, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc QSD đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần. Vị trí đất tranh chấp gồm:

Phần đất thứ nhất thuộc khoảnh 3, khoảnh 5 thửa 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, diện tích: 30.679,6 m².

- + Phía Bắc giáp với đất nhà ông Hội đang sử dụng;
- + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn Hải đang sử dụng;
- + Phía Đông đông nam giáp với đất ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Tây Nam giáp với đất ông Đặng Văn Thái đang sử dụng;
- + Phía Tây Bắc giáp với đất nhà ông Hội;

Phần đất thứ hai thuộc thửa 407 tờ bản đồ số 3 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, diện tích: 130.759,7 m².

- + Phía Bắc giáp với đất nhà ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Tây Nam giáp đình đông (xóm Mỏ sắt);
- + Phía Đông giáp với đất ông Phan Đức Phương đang sử dụng;
- + Phía Tây Bắc giáp với đất ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Đông Nam giáp với đất nhà bà Phan Thị Hương đang sử dụng;

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án buộc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Do ông Phương không liên quan đến hợp đồng giao khoán nên không có quyền yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776, BA 866510 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2022 nguyên đơn ông Phan Đức Phương có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá khách quan toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến ra bản án không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự giữ nguyên quan điểm trình bày như nội dung án sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm tranh luận cho rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Lâm nghiệp, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ không chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, không đưa UBND tỉnh tham gia tố tụng để xem xét hủy quyết định cá biệt là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Năm 1993 ông Quý được Lâm trường Đồng Hỷ giao 12,1 ha đất trồng rừng cho đến nay chưa có văn bản nào hủy bỏ quyết định của Lâm trường Đồng Hỷ. Thời hạn giao đất, giao rừng là 50 năm, năm 2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Ông Phan Đức Phương cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 USB kèm theo 01 Vi bằng, nội dung Phóng sự trong chương trình thời sự 11h 30 ngày 09/12/2022, có trích dẫn câu nói của ông Phạm Văn Bảy, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và ông Lê Văn Nguyên, Phó Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Đại diện bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần xác định phần cây trồng trên đất nguyên đơn lấn chiếm là của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền thu hoạch cây khi đến chu kỳ khai thác. Đối với phần cây trên diện tích đất theo hợp đồng giao nhận khoán, khi đến chu kỳ khai thác sẽ giải quyết theo thoả thuận, cam kết trong hợp đồng giao khoán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, công nhận cây trồng trên phần đất nguyên đơn lấn chiếm là của nguyên đơn. Phần cây trồng trên đất theo hợp đồng giao nhận khoán các bên sẽ thực hiện theo cam kết thoả thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Phan Thị Hương cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 USB kèm theo 01 Vi bằng, nội dung Phóng sự trong chương trình thời sự 11h 30 ngày 09/12/2022, có trích dẫn câu nói của ông Phạm Văn Bảy, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và ông Lê Văn Nguyên, Phó Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên về tình hình quản lý đất rừng trên địa bàn xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Xét nội dung trả lời của ông Phạm Văn Bảy, ông Lê Văn Nguyên được lập vi bằng không liên quan đến nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc đất:

[2] Lâm trường Đồng Hỷ được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái thành lập ngày 12/01/1973 theo Quyết định số 11/ TCCQ trên cơ sở hợp nhất Lâm trường Phúc Trìu và Lâm trường Trại Cau trực thuộc Ty lâm nghiệp Bắc Thái. Năm 1992 thành lập Lâm trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở Lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích rừng và đất rừng được giao 13.065 ha. Năm 1998 UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định chuyển Lâm trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở Lâm nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam quản lý. Năm 1999 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã quyết định đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên trực thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên, Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên. Năm 2012 sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Tổng

công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

[3] Diễn biến hình thành, biến động quyền sử dụng đất của Lâm trường Đồng Hỷ (nay là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty cổ phần) thể hiện theo các văn bản, quyết định: Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Đồng Hỷ với vốn rừng được cấp là 13.065 ha; Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam trên nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư, với tổng diện tích đất lâm nghiệp của Lâm trường là 11.553 ha; Tại Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên kết luận việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã kết luận: Qua kiểm tra đối soát tổng diện tích đất Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thì đất lâm nghiệp còn lại diện tích 10.099,96ha, nhưng thực tế quản lý và sử dụng 8.077,87ha đất lâm nghiệp; Quyết định số 320/QĐ-UBND Ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp giấy chứng nhận cho Công ty TNHH MTV Ván Dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ là 12.919.983,0m² (1.292ha). Tại Công văn số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích công ty để lại khi thực hiện cổ phần hóa tại xã Hợp Tiến là 10.959.700m² (1.095ha)

[4] Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nai; Đông giáp huyện Võ Nai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi; Nam giáp tỉnh Hà Bắc. Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416, tổng diện tích đất lâm nghiệp 11.553ha.

[5] Như vậy, có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065 ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty cổ phần, diện tích đất được bàn giao nguyên trạng.

Về diện tích đất được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng:

[6] Nguyên đơn ông Phan Đức Phương cũng xác định: Năm 1993 ông Phan Sinh Quý là bố ông Phương được Lâm trường Đồng Hỷ giao 12,1 ha đất rừng thuộc lô 33,34,43,44 tiểu khu 413, thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thông qua Sở giao đất giao rừng mang tên Phan

Sinh Quý. Năm 2001 ông Quý cho ông Phương 10 ha trong tổng số 12,1 ha đất rừng nêu trên để trồng rừng sản xuất, ông Phương sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay.

[7] Tại biên bản giao rừng và đất để trồng rừng ngày 30/11/1993 giao cho ông Phan Sinh Quý 12,10 ha, phần cuối biên bản có nội dung cam kết: *Chủ rừng nhận đất phải trồng cây, nhận rừng phải quản lý, bảo vệ, chăm sóc để rừng luôn phát triển. Thực hiện đúng những điều đã cam kết trong đơn. Giao đủ sản phẩm cho Nhà nước khi được thu hoạch theo quy định tại Điều 20+2 Quyết định số 08 của tỉnh.*

Điều 11 khoản 2 của Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ, quy định: *Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.*

[8] Tại Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/11/1993 Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và đứng ra thực hiện giao khoán đất nhưng lại sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là không đúng quy định. Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên ban hành văn bản số 34/CTVD/CV yêu cầu các hộ trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng số Lâm bạ phải chuyển sang hình thức Hợp đồng giao khoán và thời hạn giao khoán theo chu kỳ kinh doanh là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *4. Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng”*

[10] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng lâm trường Đồng Hỷ giao đất giao rừng cho ông Phan Sinh Quý (bố đẻ ông Phương) năm 1993, thời hạn giao đất là 50 năm, hiện nay hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về việc nguyên đơn cho rằng diện tích đất đã khai hoang:

[11] Ông Phương cho rằng năm 2006 ông Phương tự khai hoang thêm 13,2 ha, diện tích đất này là diện tích đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho việc khai hoang và kể từ khi khai hoang cho đến nay, ông Phương cũng không kê khai với bất cứ cơ quan nào, không xin được khai hoang diện tích đất theo quy định tại Điều 103, 104 Luật đất đai năm 2003, quy định việc quản lý đất chưa sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

[12] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông Phương, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã Hợp Tiến xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Diện tích đất ông Phương đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, qua kết quả đo đạc theo chỉ dẫn của ông Phương thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 là 130.759,7 m² và 30.679,6 m² thuộc thửa 406, 407, 81, cụ thể: thửa số 406 là 3.460,8 m²; thửa 407 là 25.514,1 m²; thửa 81 là 1.704,7 m². Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty Lâm nghiệp xác định thửa 81, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền quản lý của Mỏ sắt Trại Cau, diện tích ông Phương lấn chiếm chi thuộc thửa 406, 407 là 28.974,9 m² UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, nay là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Án sơ thẩm xác định diện tích đất 30.679,6 m² thuộc thửa 407, tờ bản đồ số 3 là không chính xác.

Do vậy, ông Phương bà Bích cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Từ những phân tích nêu trên thấy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức Phương đề nghị Toà án công nhận diện tích đất trồng rừng đang quản lý sử dụng là có căn cứ.

[14] Về yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án buộc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp:

Xét thấy: Diện tích 7,05 ha đất trồng rừng ông Phương đang quản lý, sử dụng, nhưng hợp đồng giao khoán do ông Phan Đức Hiện ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, ông Phương không phải là người ký. Ông Hiện xác định không liên quan đến phần đất ông Phương sử dụng, không có ý kiến đề nghị gì.

Việc ký hợp đồng dân sự là sự tự nguyện thoả thuận của các bên, không bên nào có quyền ép buộc bên nào. Do đó, nếu ông Phương không đồng ý thì có quyền không ký hợp đồng trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng với Công ty, nếu có

tranh chấp về việc thu khoán sản phẩm thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không chính xác.

[15] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên nay là Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và những phân tích nêu trên thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Do không có căn cứ để huỷ quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[16] Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận tài sản là cây trồng trên phần đất tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bị đơn quyền yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm và yêu cầu giải quyết nội dung các hợp đồng giao khoán đã ký với ông Phan Văn Hiện, nhưng bị đơn không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn xác định phần cây trồng trên đất ông Phương lấn chiếm của Công ty do ông Phương trồng, ông Phương tiếp tục được khai thác khi đến chu kỳ khai thác, Công ty không yêu cầu ông Phương phải nộp sản lượng. Đối với cây trồng trên phần đất ông Hiện ký hợp đồng giao khoán, thì sẽ thực hiện cam kết, thoả thuận trong hợp đồng giao khoán khi đến chu kỳ khai thác. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận tài sản là cây trồng trên đất là không đúng, cần sửa phần nội dung này trong quyết định của Bản án sơ thẩm.

[17] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Áp dụng các Điều 166, 203; Điều 99, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 222 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương về việc yêu cầu công nhận 159.734,6 m² đất rừng sản xuất tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1

và thửa 406, 407 tờ bản đồ số 3, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, nay là Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Trong đó gồm: 28.974,9 m², thuộc thửa 406, 407 tờ bản đồ số 3 và 130.759,7 m², thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/2/2011, nay là Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần, vị trí đất tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Công nhận phần cây trồng trên diện tích đất 60.259,7 m² thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 1 và cây trồng trên diện tích 28.974,9 m², thuộc thửa 406, 407 tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sử dụng của ông Phan Đức Phương. Ông Phương có nghĩa vụ khai thác cây trồng trên đất khi đến chu kỳ khai thác theo quy định.

4. Phần cây trồng trên diện tích đất 70.500 m², thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 theo hợp đồng giao khoán giữa ông Phan Đức Hiện với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện theo nội dung cam kết, thoả thuận trong hợp đồng giao khoán khi đến chu kỳ khai thác. Nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Đức Phương; Ông Phan Đức Phương không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Đức Phương phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã thực hiện xong tại cấp sơ thẩm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

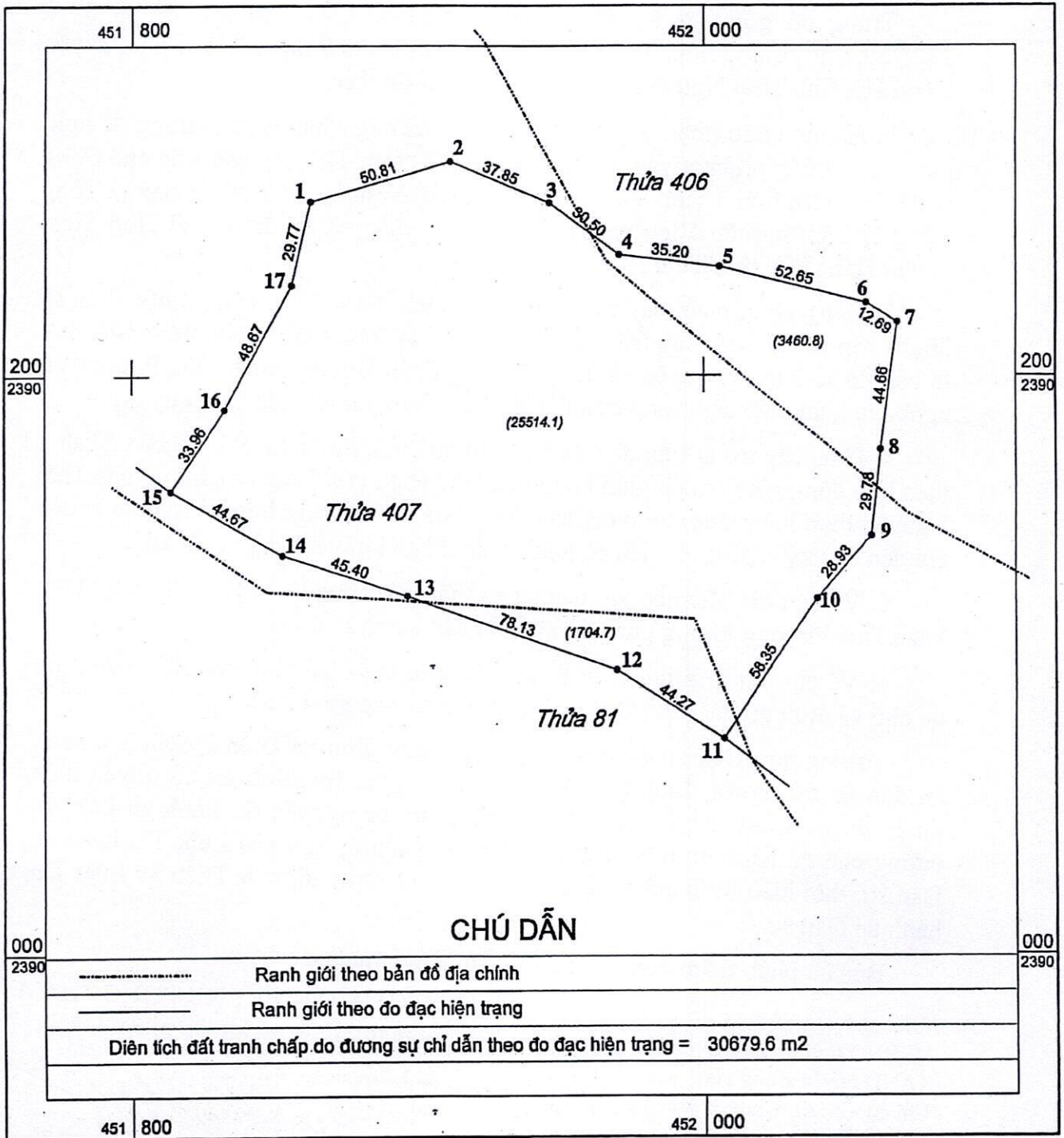
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Hoàng Quý Sửu

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG PHAN ĐỨC PHƯƠNG TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

- Ranh giới theo bản đồ địa chính
 - Ranh giới theo đo đạc hiện trạng
- Diện tích đất tranh chấp do đương sự chỉ dẫn theo đo đạc hiện trạng = 30679.6 m²

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

CHÚ DẪN TIẾP MẶT SAU

TRƯỞNG HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
 Hoàng Quý Sửu

CHÚ DẪN

BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

Theo kết quả thẩm định đo đạc hiện trạng ngày 11 tháng 7 năm 2020

Đất Ông Phan Đức Phương

Diện tích đất tranh chấp do đương sự chỉ dẫn theo đo đạc hiện trạng = 30679.6 m²

Theo sơ đồ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,1;

Nằm vào thửa 406 tờ bản đồ địa chính số 3 xã Hợp Tiến DT = 3460.8 m²;

Nằm vào thửa 407 tờ bản đồ địa chính số 3 xã Hợp Tiến DT = 25514.1 m²;

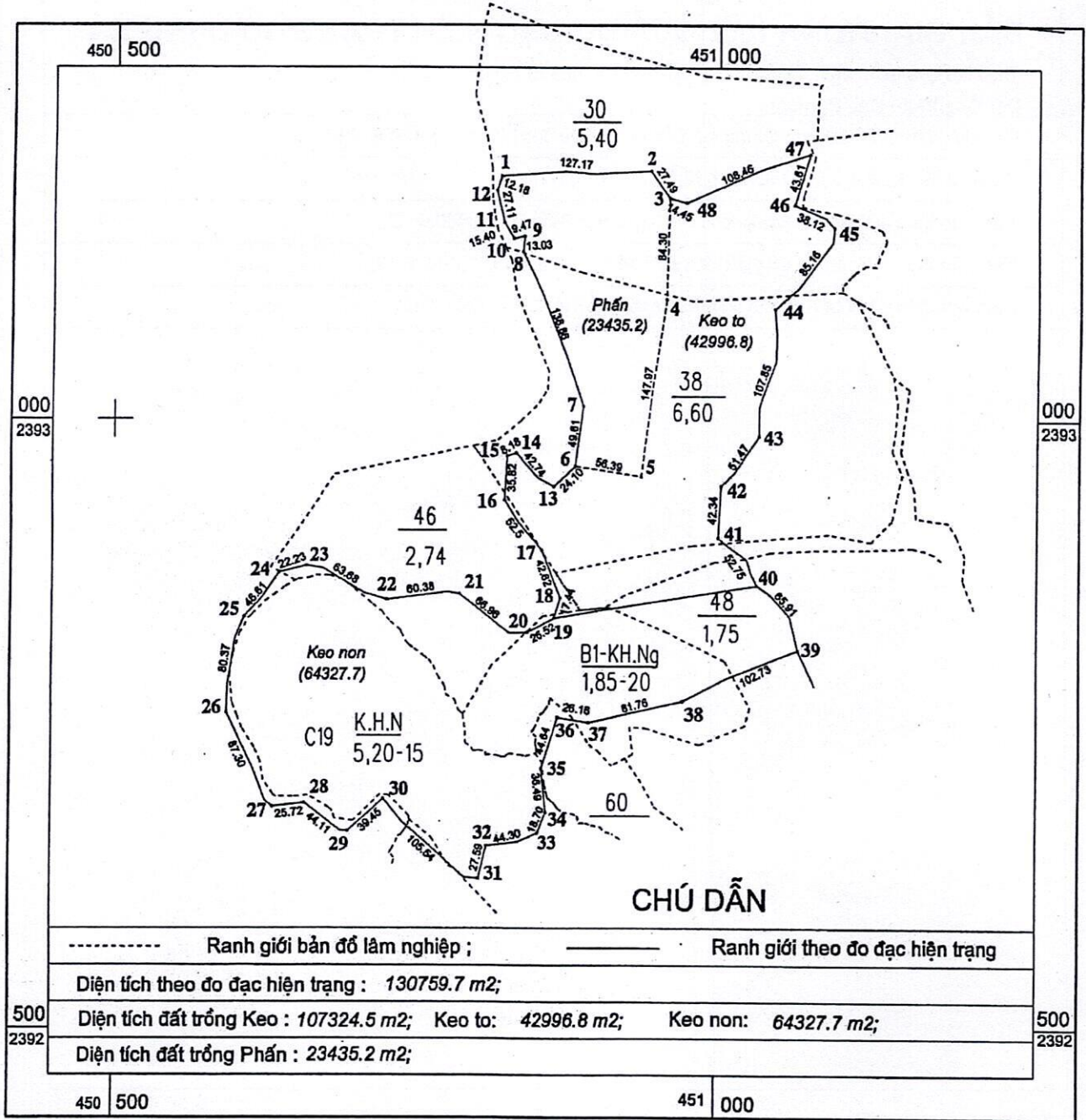
Nằm vào thửa 81 tờ bản đồ địa chính số 3 xã Hợp Tiến DT = 1704.7 m²;



SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

PHAN ĐỨC PHƯƠNG

XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

CHÚ DẪN TIẾP MẶT SAU

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa



Hoàng Quý Sửu

CHÚ DẪN

BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG

Theo kết quả thẩm định, sơ đồ bản vẽ hiện trạng ngày 11 tháng 7 năm 2020

Đất Ông Phan Đức Phương

Diện tích theo đo đạc hiện trạng : 130759.7 m²; Theo sơ đồ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,

18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,1;

Nằm vào thửa 30 tờ bản đồ địa chính số 1 xã Hợp Tiến DT = 130759.7 m²;

- Diện tích đất trồng Keo : 107324.5 m²;

Keo to: 42996.8 m²;

Keo non: 64327.7 m²;

- Diện tích đất trồng Phấn : 23435.2 m²;

